

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Kiến thức của sinh viên về phòng cháy chữa cháy và một số yếu tố liên quan tại trường Cao Đẳng Y Tế Kiên Giang năm 2019 – 2020

Đỗ Thanh Tùng^{1*}, La Đức Phương¹, Lý Đình Thúy Phụng²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu thực hiện nhằm mô tả kiến thức của sinh viên về phòng cháy chữa cháy (PCCC) và một số yếu tố liên quan tại Trường Cao Đẳng y tế Kiên Giang.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang phân tích trên cỡ mẫu gồm 384 sinh viên tại trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang.

Kết quả: Với những kiến thức về xử lý tình huống khi có cháy ở nhà cao tầng, trong siêu thị và kiến thức nhận biết đám cháy, tỷ lệ trả lời đúng là khá cao, tương ứng là 86,7%; 76,8% và 72,9%. Tuy nhiên, có tới 54,2% sinh viên trả lời sai đối với câu hỏi về nguyên nhân thường dẫn đến tử vong trong đám cháy. Nghiên cứu cho thấy sinh viên chủ động tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC và trả lời đúng số điện thoại khẩn cấp của lực lượng cứu hỏa. Đánh giá của sinh viên cho thấy nhà trường trang bị tốt về cơ sở vật chất an toàn PCCC. Việc chủ động trang bị kiến thức an toàn PCCC cho sinh viên chưa được nhà trường quan tâm và đầu tư đúng mức. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức an toàn PCCC và khu vực sinh sống của sinh viên. Sinh viên sống xa gia đình có kỹ năng và kiến thức an toàn PCCC tốt hơn sinh viên ở cùng gia đình.

Kết luận: Nhà trường cần xây dựng bộ quy chế và hướng dẫn về an toàn PCCC cho sinh viên. Lồng ghép kiến thức an toàn PCCC vào các môn học như Giáo dục Quốc phòng, thể dục và các hoạt động đoàn thể. Duy trì và phát huy hơn nữa công tác PCCC tại trường.

Từ khóa: Phòng cháy chữa cháy, cháy nổ tại trường học, ý thức an toàn phòng cháy chữa cháy.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của hiệp hội PCCC quốc gia Hoa Kỳ ước tính 1.318.500 vụ hỏa hoạn trong năm 2018. Những vụ cháy này đã gây ra 3.655 trường hợp tử vong do hỏa hoạn dân sự, và ước tính thiệt hại tài sản trực tiếp 25,6 tỷ đô la (1). Trong đó nấu ăn gây ra 192.700 vụ cháy, hệ thống sưởi 35.700 vụ, vô ý và bất cẩn là 28.600 vụ, sự cố về điện: 25.700 vụ (2). Các tiểu bang có rủi ro về hỏa hoạn cao là Tây Virginia với rủi ro 2,6, tiếp theo là Alaska 2,4 và Arkansas 2,1, những người sống ở New Jersey có nguy

cơ tử vong trong hỏa hoạn thấp hơn 66% so với dân số nói chung (3).

Tại Việt Nam Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ, trong 9 tháng đầu năm 2018, cả nước xảy ra 2.989 vụ cháy, khiến 73 người tử vong, bị thương 163 người, thiệt hại về tài sản 1.590 tỷ đồng. Riêng trong tháng 5/2018, cả nước xảy ra 309 vụ cháy nổ, làm 9 người chết và 13 người bị thương, thiệt hại ước tính hơn 314 tỷ đồng (4).

Tại điều 3 của Nghị định 79/2014/NĐ-CP của chính phủ có quy định Bộ Giáo dục và Đào



*Địa chỉ liên hệ: Đỗ Thanh Tùng

Email: thanhtungit@kgmc.edu.vn

¹Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang

²Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang

Ngày nhận bài: 30/9/2020

Ngày phản biện: 03/5/2021

Ngày đăng bài: 30/10/2021

tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng nội dung, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy và chữa cháy để lồng ghép vào chương trình giảng dạy (5-7). Trong kết quả nghiên cứu của Sravan Kumar Yeturu tại trường Cao đẳng nha khoa Amrita Ấn Độ cho rằng sinh viên nên biết và tránh hỏa hoạn trong trường hợp khẩn cấp là 98,6% người được hỏi đồng ý, 97% đồng ý rằng mọi học sinh phải được huấn luyện về phòng cháy và kiểm soát (8). Việc sinh viên được trang bị tốt kiến thức cũng như kỹ năng về an toàn PCCC góp phần đẩy mạnh công tác PCCC toàn dân và làm giảm thiểu tổn thất về người và của khi có cháy nổ xảy ra.

Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang (CĐYTKG) có nhiều cơ sở vật chất và số lượng sinh viên lớn. Việc nắm bắt được kiến thức và thái độ của sinh viên về an toàn PCCC để trường có cơ sở xây dựng nội dung, kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về an toàn PCCC được tốt hơn. Do đó tác giả tiến hành thực hiện nghiên cứu kiến thức của sinh viên về an toàn PCCC tại trường với 2 mục tiêu: 1) Mô tả kiến thức của sinh viên về an toàn PCCC tại Trường CĐYTKG. 2) Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên về an toàn PCCC tại Trường CĐYTKG năm 2019 - 2020.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang phân tích.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Từ tháng 06 năm 2019 đến tháng 06 năm 2020 tại trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang.

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên đang học tại trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang năm học 2019 – 2020.

Cỡ mẫu nghiên cứu

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho việc ước tính tỷ lệ quần thể

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Trong đó n là cỡ mẫu nhỏ nhất chấp nhận được (Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu). Z là hệ số tin cậy (Với độ tin cậy là 95% thì $z = 1,96$). p là tỷ lệ sinh viên hiểu biết về an toàn PCCC đang khảo sát và $q = 1 - p$, do chưa biết p nên áp dụng $p = q = 0,5$ vì mọi p, q thì $p \cdot q_{\max} = 0,25$. e là mức độ sai số chấp nhận được ($e = 0,5$). Thế vào công thức, ta có $n = 384,16$, Vậy số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu bằng cách trả lời phiếu phát vấn 384.

Biến số nghiên cứu

Biến độc lập: là biến số về thông tin chung: Tuổi, giới tính, chỗ ở hiện nay, kinh tế bản thân, nghề nghiệp, đã từng bị tai nạn cháy nổ, mức độ tai nạn cháy nổ, có tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC.

Biến phụ thuộc: là biến số về kiến thức của sinh viên về an toàn PCCC.

Có mối liên quan giữa biến độc lập và biến phụ thuộc được xác định thông qua sử dụng kiểm định Chi bình phương để xác định mối liên quan giữa lần lượt từng biến độc lập với biến phụ thuộc, mức ý nghĩa sử dụng trong nghiên cứu là $\alpha = 0,05$.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Số liệu định lượng được thu thập thông qua 384 sinh viên đang học tại trường trong năm 2019 - 2020, công cụ thu thập là phiếu phát vấn theo bộ câu hỏi có cấu trúc.

Số liệu sau khi thu thập được nhập vào máy vi tính và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Kỹ thuật thống kê mô tả giá trị trung bình, độ lệch chuẩn được sử dụng để mô tả các thực trạng trong nghiên cứu. Thống kê phân tích được thực hiện thông qua kiểm định Chi bình phương để xác định các yếu tố ảnh hưởng, mức ý nghĩa sử dụng trong nghiên cứu là $\alpha = 0,05$.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện sau khi được Hội đồng nghiên cứu khoa học trường CĐYTKG thông qua theo quyết định số 295/QĐ-CĐYT

ngày 22/10/2019. Các thông tin thu thập được qua phỏng vấn chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Thông tin của đối tượng tham gia nghiên cứu

Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu là 384 sinh viên đang học tập tại trường, trong đó Nam 104 sinh viên chiếm tỷ lệ 27%, Nữ 280 sinh

viên chiếm tỷ lệ 73%. Có 260 sinh viên ở cùng gia đình chiếm tỷ lệ 67,7%, sinh viên ở nhà trọ 81 chiếm tỷ lệ 21,1%, 10 sinh viên ở ký túc xá chiếm tỷ lệ 2,6% và 4 sinh viên không cho biết chỗ ở hiện nay chiếm tỷ lệ 1%. Sinh viên có việc làm là 152 chiếm tỷ lệ 39,6%, trong đó tập trung chủ yếu tại các lớp vừa học vừa làm là 113 sinh viên, các lớp chính quy 39 sinh viên.

Sinh viên từng là nạn nhân cháy nổ

Bảng 1. Thống kê khu vực sinh viên từng bị tai nạn cháy nổ

Khu vực bị tai nạn	Số lượng sinh viên bị tai nạn	Tỷ lệ (%)
Tại nhà	20	5,2
Nhà trọ	2	0,5
Ký túc xá	1	0,3
Nhiều hơn 1 lựa chọn	1	0,3
Khác	13	3,4
Không bị tai nạn	347	90,4
Tổng	384	100

Khi được hỏi sinh viên về khu vực bị tai nạn cháy nổ có 20 sinh viên cho biết bị tai nạn tại nhà chiếm tỷ lệ 5,2%, 2 sinh viên bị tai nạn tại nhà trọ 0,5%, 1 sinh viên bị tai nạn tại ký túc xá 0,3%. 13 sinh viên bị ở nơi khác chiếm 3,4%, đặc biệt có 1 sinh viên bị tai nạn cháy

nổ ở nhiều khu vực chiếm tỷ lệ 0,3%. Tổng số sinh viên từng là nạn nhân của cháy nổ là 37 chiếm tỷ lệ 10,6% trong tổng số 384 sinh viên tham gia nghiên cứu.

Kiến thức của sinh viên tham gia nghiên cứu về an toàn PCCC.

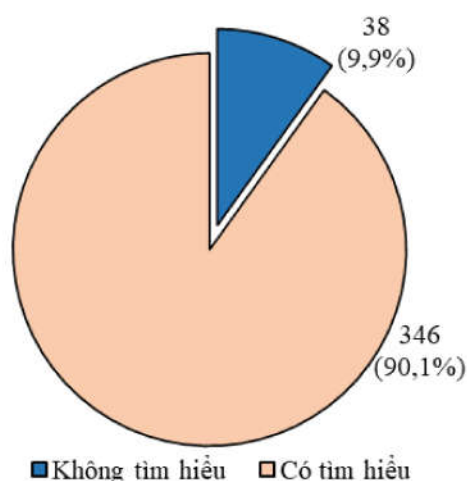
Bảng 2. Kiến thức của sinh viên tham gia nghiên cứu về an toàn PCCC

Câu hỏi	Trả lời		Tỷ lệ	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
Kiến thức về các cách nhận biết đám cháy qua các dấu hiệu ban đầu	280	104	72,9	27,1
Kiến thức về tình huống Khi bị cháy ở nhà cao tầng thì sẽ thoát nạn như thế nào	333	51	86,7	13,3
Kiến thức về tình huống khi đang ở trong siêu thị, nếu phát hiện siêu thị đang bị cháy, thì sẽ làm gì	295	89	76,8	23,2
Kiến thức về việc nhận biết những lý do khiến nạn nhân bị chết nhanh nhất khi bị kẹt trong một đám cháy	176	208	45,8	54,2

Số liệu bảng 2 cho ta cái nhìn khá rõ nét về kiến thức của sinh viên về an toàn PCCC, đa phần sinh viên trả lời đúng khá cao, trong đó khi được hỏi về việc xử lý tình huống khi có cháy ở nhà cao tầng hoặc trong siêu thị thì tỷ lệ trả lời đúng lần lượt là 86,7% và 76,8%. Về kiến thức cũng như kinh nghiệm nhận biết đám cháy thì có 72,9% sinh viên trả lời đúng, 27,1% sinh viên trả lời sai. Tuy nhiên, khi được hỏi về nguyên nhân thường dẫn đến tử

vong trong đám cháy thì tỷ lệ sinh viên chọn sai khá cao đến 54,2%, chỉ có 45,8% sinh viên lựa chọn đúng.

Theo số liệu của biểu đồ 1 thể hiện ta thấy 346 sinh viên có tìm hiểu về an toàn PCCC chiếm tỷ lệ 90,1%, 38 sinh viên chưa tìm hiểu chiếm tỷ lệ 9,9%, cứ 10 sinh viên thì có 9 sinh viên có tìm hiểu về an toàn PCCC đây là kết quả rất tốt, cho thấy sinh viên luôn có ý thức trang bị kiến thức cho PCCC cho bản thân.



Biểu đồ 1. Thống kê số lượng sinh viên có tìm hiểu kiến thức PCCC

Bảng 3. Nguồn thông tin và việc thực hiện an toàn PCCC tại trường CĐYTKG

Câu hỏi	Trả lời		Tỷ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Theo bạn, hiện trường có trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy không?	353	31	91,9	8,1
Từ lúc nhập học đến nay bạn có được trang bị kiến thức về phòng cháy chữa cháy không?	250	134	65,1	34,9
Trong quá trình học các môn học, bạn có được thầy cô đề cập đến an toàn phòng cháy chữa cháy không?	300	84	78,1	21,9
Trong các phòng học có trang bị bình chữa cháy không?	325	59	84,6	15,4
Anh chị có nhớ số điện thoại khẩn cấp của lực lượng cứu hỏa Việt Nam?	335	49	87,2	12,8

Đa phần sinh viên tham gia nghiên cứu có nhận xét tích cực về việc nhà trường có trang

bị đầy đủ trang thiết bị PCCC điều đó thể hiện qua 91,9% sinh viên được hỏi đề trả lời có,

chỉ có 8,1% sinh viên trả lời không. Khi được hỏi từ lúc nhập học đến nay nhà trường có trang bị kiến thức về PCCC không thì tỷ lệ trả lời có là 65,1% và 34,9% trả lời không. Cứ 10 sinh viên được hỏi thì 3,5 sinh viên trả lời không được trang bị kiến thức về an toàn PCCC. Các câu hỏi còn lại đa phần tỷ lệ sinh viên trả lời có như: nhà trường có trang bị

bình chữa cháy cho các phòng học là 84,6%, sinh viên được giáo viên đề cập đến an toàn phòng cháy là 78,1%. Khi được hỏi về số điện thoại khẩn cấp của lực lượng cứu hỏa thì có 87,2% trả lời đúng số điện thoại.

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên về an toàn phòng cháy chữa cháy

Bảng 4. Mối liên quan giữa việc sinh viên ở cùng và không ở cùng gia đình với kiến thức phòng cháy chữa cháy

Kiến thức	Trả lời	SV ở cùng gia đình		SV không ở cùng gia đình		p value
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Anh/Chị cho biết có mấy cách nhận biết đám cháy qua các dấu hiệu ban đầu?	Đúng	181	69,6	99	79,8	p = 0,022
	Sai	79	30,4	25	20,2	
Khi bị cháy ở nhà cao tầng, anh/chị sẽ thoát nạn như thế nào?	Đúng	219	84,2	114	91,9	p = 0,024
	Sai	41	15,8	10	8,1	

Qua số liệu trên ta thấy được có sự khác biệt giữa sinh viên ở cùng gia đình và sinh viên không ở cùng gia đình, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0,05$. Đa phần sinh viên không ở cùng gia đình có tỷ lệ chọn chính xác

cao hơn sinh viên ở cùng gia đình, điều này cho thấy sinh viên không ở cùng gia đình có kiến thức an toàn PCCC cao hơn sinh viên ở cùng gia đình.

Bảng 5. Mối liên quan giữa việc có tìm hiểu về an toàn PCCC và kiến thức PCCC

Kỹ năng	Trả lời	Có tìm hiểu về PCCC		Không tìm hiểu về PCCC		p value
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Khi đang ở trong siêu thị, nếu phát hiện siêu thị đang bị cháy, anh/chị sẽ làm gì?	Đúng	272	78,6	23	60,5	p = 0,013
	Sai	74	21,4	15	39,5	

Dữ liệu bảng 5 thể hiện sự khác biệt về giữa sinh viên có và không có tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC, điều đó thể hiện qua trị số $p = 0,0013 < 0,05$. Khi được hỏi tình huống thực tế về kỹ năng an toàn cháy nổ thì sinh viên có tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC trả lời

chính xác 78,6% trong khi đó sinh viên không tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC trả lời chính xác 60,5%. Điều đó cho thấy có sự khác biệt giữa nhóm sinh viên có tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC và nhóm sinh viên không tìm hiểu về an toàn PCCC, nhóm sinh viên có tìm

hiểu về an toàn PCCC có kiến thức xử lý tình huống PCCC tốt hơn nhóm không tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ở cùng gia đình có tỷ lệ cao nhất, sau đó là nhà trọ và ký túc xá. Sinh viên có việc làm tập trung chủ yếu tại các lớp vừa học vừa làm. Số lượng nữ chiếm đa số trong nghiên cứu, điều đó một phần nào phản ánh đúng với thực tế tuyển sinh và đào tạo của trường CDYTKG hiện nay. Trong đó tỷ lệ sinh viên từng là nạn nhân của cháy nổ là 10,6% trong tổng số sinh viên tham gia nghiên cứu, phần lớn trong số đó bị tai nạn tại gia đình, kết quả này cho thấy sinh viên của trường từng là nạn nhân của cháy nổ cao hơn gấp 3 lần nghiên cứu của Sravan Kumar Yeturu tại trường Cao đẳng nha khoa Amrita Ấn Độ có tỷ lệ 3,6% (8).

Kết quả nghiên cứu cho thấy những kiến thức về xử lý tình huống khi có cháy ở nhà cao tầng, trong siêu thị và kiến thức nhận biết đám cháy, tỷ lệ sinh viên trả lời đúng là khá cao, tương ứng là 86,7%; 76,8% và 72,9%. Tuy nhiên, có tới 54,2% sinh viên trả lời sai đối với câu hỏi về nguyên nhân thường dẫn đến tử vong trong đám cháy. Chính vì thế công tác truyền thông và đưa nội dung PCCC vào đề nâng cao nhận thức cho sinh viên là cần thiết.

Nghiên cứu cho thấy sinh viên chủ động tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC, cứ 10 sinh viên thì có 9 sinh viên chủ động tìm hiểu về kiến thức PCCC. Khi được hỏi về số điện thoại khẩn cấp của lực lượng cứu hỏa thì có 87,2% trả lời đúng, kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Sravan Kumar Yeturu tại trường Cao đẳng nha khoa Amrita Ấn Độ chỉ có 47,8% (8).

Qua kết quả trên ta thấy được sinh viên trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang có kiến thức tốt hơn sinh viên trường Cao đẳng nha khoa Amrita Ấn Độ, nhưng tỷ lệ tai nạn cháy

nổ lại cao hơn gấp 3 lần sinh viên Ấn Độ. Qua đó có thể thấy rằng ngoài việc trang bị kiến thức PCCC tốt cho sinh viên còn phải khuyến khích, xây dựng cho sinh viên thói quen cảnh giác cao với cháy nổ tại các khu vực mình sinh sống.

Về cơ sở vật chất về an toàn PCCC tại trường được sinh viên tham gia nghiên cứu đánh giá cao, số lượng đồng ý là có trang bị đầy đủ trang thiết bị PCCC là 91,9%, điều đó cho thấy được nhà trường thật sự rất quan tâm và đầu tư cho cơ sở hạ tầng cũng như trang thiết bị PCCC tại trường. Về việc trang bị kiến thức về an toàn PCCC cho sinh viên thì cứ 10 sinh viên được hỏi thì có 3,5 sinh viên trả lời là không được nhà trường trang bị kiến thức an toàn PCCC, điều đó cho thấy nhà trường chưa thật sự làm tốt việc tuyên truyền cho sinh viên về an toàn PCCC, thực tế hiện nay nhà trường chưa có bộ quy chế cũng như hướng dẫn cho sinh viên khi có cháy nổ xảy ra thì phải xử lý thế nào.

Nghiên cứu còn cho thấy có sự khác biệt về kiến thức an toàn PCCC giữa nhóm sinh viên ở cùng gia đình và nhóm sinh viên không ở cùng gia đình thông qua số liệu bảng 4 ta thấy được nhóm sinh viên không ở cùng gia đình có tỷ lệ chọn đúng cao hơn nhóm sinh viên ở cùng gia đình, điều này có thể hiểu được nhóm sinh viên sống xa gia đình có tiếp thu và trang bị kiến thức an toàn PCCC tốt hơn nhóm sinh viên sống cùng gia đình.

Sự khác biệt còn thể hiện qua nhóm có tìm hiểu và nhóm không tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC, nhóm có tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC trả lời chính xác 78,6% trong khi đó nhóm Không tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC chỉ có 60,5%. Điều đó cho thấy có mối liên hệ giữa thái độ và kiến thức về an toàn PCCC của sinh viên ($p < 0,05$), nhóm sinh viên Có tìm hiểu kiến thức an toàn PCCC có kiến thức và kỹ năng an toàn PCCC tốt hơn nhóm không tìm hiểu.

Thông qua sự so sánh giữa các nhóm sinh viên giúp cho trường có cơ sở khoa học để có

thể xây dựng bộ quy chế và hướng dẫn về an toàn PCCC cho sinh viên hợp lý và hiệu quả. Giúp sinh viên có kiến thức và luôn cảnh giác với cháy nổ để bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội.

KẾT LUẬN

Kiến thức về PCCC của sinh viên trong nghiên cứu là khá cao đối với một số nội dung như xử lý tình huống khi có cháy ở nhà cao tầng, trong siêu thị và kiến thức nhận biết đám cháy. Tuy nhiên kiến thức về nhận biết nguyên nhân gây tử vong trong một vụ cháy lại khá thấp với hơn ½ số sinh viên trả lời sai. Sinh viên tích cực và chủ động tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC và trả lời đúng số điện thoại khẩn cấp của lực lượng chữa hỏa.

Thông qua đánh giá của sinh viên tham gia nghiên cứu có thể thấy nhà trường đảm bảo về cơ sở vật chất về an toàn PCCC. Nhưng việc chủ động trang bị kiến thức an toàn PCCC cho sinh viên chưa được nhà trường quan tâm đầu tư, chưa xây dựng quy chế cũng như hướng dẫn cho sinh viên về an toàn PCCC cho sinh viên.

Có mối liên hệ giữa kiến thức an toàn PCCC của sinh viên và khu vực sinh sống. Sinh viên sống xa gia đình có kỹ năng và kiến thức an toàn PCCC tốt hơn sinh viên ở cùng gia đình. Việc có tìm hiểu kiến thức về an toàn PCCC cũng giúp cho sinh viên có thái độ tích cực về việc tham gia an toàn PCCC được tốt hơn.

Hạn chế của nghiên cứu: Do dịch Covid-19 đầu năm 2020 diễn biến phức tạp, việc thu thập số liệu cũng gặp không ít khó khăn, nên

nghiên cứu chỉ tập trung phân tích và xử lý số liệu định lượng để tìm hiểu thái độ, kiến thức cũng như một số yếu tố ảnh hưởng đến an toàn PCCC của sinh viên. Chưa tập trung phân tích số liệu định tính để làm nổi bật hơn nữa thực trạng cơ sở hạ tầng trong công tác PCCC của trường.

Khuyến nghị: Nhà trường cần xây dựng bộ quy chế và hướng dẫn về an toàn PCCC cho sinh viên. Lồng ghép kiến thức an toàn PCCC vào các môn học như Giáo dục Quốc phòng, thể dục và các hoạt động đoàn thể. Duy trì và phát huy hơn nữa công tác PCCC tại trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fire loss in the united states during 2018, National Fire Protection Association, october 2019.
2. Residential Building Fire Trends (2009-2018), U.S. Fire Administration Statistics
3. National Fire Protection Association 2020, U.S. fire deaths 2019, fire death rates, and risk of dying in a fire.
4. Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Báo cáo thống kê số lượng người thương vong và số vụ cháy nổ cả nước Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018.
5. Chính phủ Việt Nam. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành một số điều Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật phòng cháy và chữa cháy năm 2014.
6. Chính phủ Việt Nam. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP về quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.
7. Quốc Hội Việt Nam. Số 40/2013/QH13, luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013.
8. Sravan Kumar Yeturu. Article November 2016, "Assessment of Knowledge and Attitudes of Fire Safety – An Institution Based Study".

Students' knowledge on fire prevention and some related factors at Kien Giang Medical College in 2019 – 2020

Do Thanh Tung¹, La Duc Phuong¹, Ly Dinh Thuy Phung²

¹ Kien Giang Medical College

² Kien Giang General Hospital

Objectives: The study was carried out to describe the knowledge of students about fire prevention and some related factors at Kien Giang Medical College. **Methods:** The cross-sectional study analyzed 384 students at Kien Giang Medical College. **Findings:** With knowledge of handling situations when there is a fire in high-rise buildings, in supermarkets and knowledge of fire identification, the correct answer rate is quite high, 86.7% respectively; 76.8% and 72.9%. However, up to 54.2% of students answered incorrectly to the question about the most common causes of death in fires. Research shows that students actively learn knowledge about fire safety and correctly answer the emergency number of the fire brigade. Student evaluations show that the school is well equipped with fire safety facilities. The initiative of equipping students with fire safety knowledge has not been properly paid attention and invested by the school. Research results show that there is a relationship between students' knowledge of fire safety and living areas. Students living far from their families have better fire safety skills and knowledge than students living with their families. **Conclusions:** The school needs to develop a set of regulations and guidelines on fire safety for students. Integrating fire safety knowledge into subjects such as National Defense Education, physical training and mass activities. Maintain and further promote the fire prevention work at the school.

Keywords: *Fire prevention, fire and explosion at school, awareness of fire safety.*